**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Sơ kết 02 năm (2022-2023) triển khai, thực hiện Đề án 06**

*(Kèm theo Công văn số /STP-HCTP ngày / /2023)*

**I. KHÁT QUÁT TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06**

1. Khái quát tình hình kinh tế, chính trị, xã hội tại địa phương mình.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã bám sát mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể theo giai đoạn 2022-2023; các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Tổ Công tác của Chính phủ, của Ban chỉ đạo ĐA06 của tỉnh, của Sở Tư pháp (*các Chỉ thị, Nghị quyết, Kế hoạch, Thông báo, Văn bản đôn đốc...*) để xác định tổng số nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp triển khai, thực hiện Đề án 06/CP tại địa phương mình, trong đó phân tích:

- Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành.

- Tổng số nhiệm vụ chưa hoàn thành.

- Tổng số nhiệm vụ thực hiện thường xuyên.

- Tổng số nhiệm vụ đang triển khai.

*(Theo phụ lục 01- Nhiệm vụ của địa phương gửi kèm)*

**II. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC**

**1. Công tác chỉ đạo, triển khai**

***1.1. UBND các huyện, thành phố trực thuộc tỉnh***

- Báo cáo Cấp ủy Đảng đề xuất ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị, Văn bản... chỉ đạo triển khai Đề án 06 để tạo sự thống nhất trong quá trình thực hiện tại địa phương.

- Các văn bản triển khai của địa phương theo Lộ trình Đề án; tại các Nghị quyết của Chính phủ, Thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ. Đặc biệt là tại Chỉ thị số 05/CT-TTg, ngày 23/02/2023; Chỉ thị 18/CT-TTg, ngày 30/5/2023; Công văn số 452/TTg-KSTT, ngày 23/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Các Văn bản của Ban chỉ đạo Đề án 06 của tỉnh; Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo ĐA06 của tỉnh - Công an tỉnh; các Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc của Sở Tư pháp về thực hiện số hóa đăng ký hộ tịch và thực hiện 02 thủ tục liên thông về Khai sinh- Cấp mã số định danh- Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi; Đăng ký khai tử- Xóa đăng ký thường trú – Hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng) hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí.

- Kết quả hoạt động của Tổ công tác tại cấp huyện, xã, thôn; Kết quả của cơ quan Công an với vai trò thường trực: hàng ngày tham mưu, triển khai cho UBND cấp huyện và cấp xã; Công tác phối hợp giữa các đơn vị có liên quan (Y tế, Giáo dục, Thương binh xã hội, Tư pháp….); Kết quả triển khai trong chỉ đạo, phân công, đôn đốc, giám sát, kiểm tra.

- Kết quả ban hành văn bản triển khai các mô hình, giải pháp ứng dụng những tiện ích được phát triển từ nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Căn cước công dân và định danh điện tử để triển khai tại địa bàn.

1.2. Các giải pháp, cách làm hay trong triển khai Đề án 06 tại địa phương.

**2. Về công tác tuyên truyền thực hiện Đề án**

2.1. Kết quả hoạt động công tác của các cơ quan thông tấn báo chí của trung ương và của tỉnh tại địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao; báo cáo kết quả Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về Đề án 06 nhằm nâng cao nhận thức chung và sự hưởng ứng của người dân, doanh nghiệp theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 05/CT-TTg, ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ Tiếp tục đẩy mạnh triển khai đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo, cũng như các Văn bản chỉ đạo của BCĐ-ĐA06 tỉnh Lâm Đồng cụ thể hóa Chỉ thị số 05/CT-TTg.

2.2. Báo cáo kết quả ban hành Kế hoạch tuyên truyền, hình thức tuyên truyền, triển khai Đề án 06/CP đối với người dân, cơ quan, doanh nghiệp tại địa phương mình.

2.3. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

**3. Nhóm tiện ích giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), cung cấp dịch vụ công (DVC) trực tuyến**

**3.1. Về thực hiện các văn bản qui phạm pháp luật:**

*(1) UBND cấp huyện và cấp xã đánh giá:*

- Tiến độ số hóa hồ sơ thực hiện TTHC, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018, gắn việc số hóa thực hiện hồ sơ TTHC và số hóa đăng ký hộ tịch với việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa. Kết quả thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến, không để tình trạng giải quyết hồ sơ chậm, muộn; rà soát, chuẩn hóa, điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai theo hướng cắt giảm tối thiểu 20% thông tin phải khai báo trên cơ sở tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 05/CT-TTg, ngày 23/02/2023.

- Quán triệt, chỉ đạo cụ thể các cơ quan, tổ chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính không yêu cầu người dân phải xuất trình, nộp Sổ hộ khẩu theo quy định của Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn.

- Kết quả thực hiện qui trình đã chuẩn hóa, qui trình đã tái cấu trúc, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trên cơ sở sử dụng, xác thực, chia sẻ dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc sử dụng định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an thực hiện trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia với hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của cấp bộ, cấp tỉnh đã kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Kết quả tham mưu miễn, giảm phí, lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tuyến để thu hút người dân, doanh nghiệp tham gia theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 05/CT-TTg, ngày 23/02/2023, theo Nghị quyết 142/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Lâm Đồng.

- Việc địa phương ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, CCCD, định danh và xác thực điện tử trong việc cắt giảm các thủ tục, giấy tờ tại địa phương mình.

**3.2. Về dịch vụ công**

***3.2.1. Văn phòng HĐND&UBND cấp huyện và cấp xã***

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến tại địa phương; tài khoản đăng ký mới; số hồ sơ đồng bộ trạng thái; số lượt giao dịch thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia, số tiền giao dịch. Tổng số cuộc gọi đến bộ phận một cửa của huyện và xã, kết quả giải quyết.

- Đánh giá Quyết định 766/QĐ-TTg, ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

**3.2.2. Việc tổ chức thực hiện 53 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và theo Quyết định số 422/QĐ-TTg, ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:**

***3.2.2.1. Đối với 25 dịch vụ công theo Đề án 06***

*(1)* Kết quả thực hiện 02 dịch vụ công liên thông: đăng ký khai sinh – đăng ký thường trú- cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi; đăng ký khai tử- xóa đăng ký thường trú- trợ cấp mai táng phí; trong 02 thủ tục thì DVC nào đã hoàn thành ở cấp độ 4 (trực tuyến toàn trình).

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận của từng dịch vụ công, hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, hồ sơ tiếp nhận trực tiếp. Tỷ lệ % trực tuyến. Giá trị mang lại (*về cắt giảm, đơn giản hóa, chi phí tiết kiệm theo công thức quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017*…)

- Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc

(2) Kết quả đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký kết hôn trên Phần mềm hộ tịch dùng chung của Bộ Tư pháp

***3.2.2.2. Đối với 28 dịch vụ công theo Quyết định 422/QĐ-TTg, ngày 04/4/2023***

***Nhóm dịch vụ công thiết yếu của cá nhân:***

Tại địa phương mình đã thực hiện thủ tục liên thông cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và Đăng ký kết hôn hay chưa; nếu chưa thì hiện nay việc thực hiện thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và Đăng ký kết hôn được thực hiện như thế nào; số liệu việc thực hiện thủ tục này.

***3.2.2.3. UBND cấp huyện và cấp xã***

***(1)*** Kết quả thực hiện Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Lâm Đồng Ban hành quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, trong đó báo cáo số liệu miễn, giảm lệ phí hộ tịch khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến về đăng ký hộ tịch, để thu hút người dân, doanh nghiệp tham gia theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 05/CT-TTg, ngày 23/2/2023.

- Kết quả thực hiện Nghị quyết số 50, ngày 08/4/2022 của Chính phủ về số hóa và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa cấp huyện từ 01/12/2022, tại bộ phận một cửa cấp xã từ 01/6/2023. Riêng đối với 25 dịch vụ công thiết yếu phải số hóa trong việc giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa từ 01/7/2022, ngành tư pháp chủ yếu báo cáo công tác số hóa hồ sơ đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn; Kết quả thực hiện 25 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và 28 dịch vụ công theo Quyết định 422/QĐ-TTg, ngày 4/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

(2) Số lượng thủ tục hành chính đã cung cấp trên cổng dịch vụ công:

- Dịch vụ công trực tuyến một phần (tỷ lệ %)

- Dịch vụ công trực tuyến toàn trình (tỷ lệ %)

-Rà soát, đánh giá hạ tầng đường truyền, máy tính, máy in;… nguồn nhân lực của cấp huyện và cấp xã.

(3) Kết quả thực hiện các mô hình, giải pháp dịch vụ công theo 44 mô hình, giải pháp do Cơ quan Thường trực ĐA 06- Công an tỉnh, tỉnh Lâm Đồng hướng dẫn.

(4) Tồn tại, vướng mắc

Nguyên nhân: Khách quan, Chủ quan

***3.2.2.4.*** Kết quả triển khai 02 dịch vụ công liên thông *“Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi” và “Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hỗ trợ chi phí mai táng/trợ cấp mai táng”* .

Khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện 02 thủ tục liên thông này.

**4. Nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, các đơn vị báo cáo**

**4.1. Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt**

**UBND cấp huyện và cấp xã:** báo cáo kết quả thực hiện các thủ tục hành chính thanh toán không dùng tiền mặt tại đơn vị, địa phương mình.

*(Theo phụ lục 03 gửi kèm)*

**5. Về bố trí ngân sách, nguồn nhân lực triển khai Đề án**

5.1. Về kinh phí

(1) UBND cấp huyện báo cáo kết quả triển khai các giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về kinh phí triển khai thực hiện Đề án 06, trong đó có kinh phí cấp cho việc thực hiện số hóa hộ tịch theo chỉ đạo Ban chỉ đạo 06 của tỉnh; Khó khăn vướng mắc.

(2) Về nguồn nhân lực

UBND cấp huyện báo cáo việc chủ động công tác tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức, con người về nghiệp vụ, về công nghệ phục vụ triển khai Đề án 06; cũng như việc phối hợp với các cơ quan liên quan của tỉnh tập huấn.

(3) Tồn tại, hạn chế

(4) Nguyên nhân:

+ Khách quan

+ Chủ quan

(5) Giải pháp

**6. UBND cấp huyện và cấp xã đánh giá thêm**: kết quả triển khai các mô hình, giải pháp ứng dụng những tiện ích được phát triển từ nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Căn cước công dân và định danh điện tử triển khai tại địa phương.

**III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, GIẢI PHÁP**

**1.** Ưu điểm

**2.** Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguy cơ; giải pháp

(*Đánh giá cụ thể nhiệm vụ đã hoàn thành, chưa hoàn thành về tiến độ thời gian theo lộ trình Đề án 06 giao*)

**3.** Bài học kinh nghiệm

**IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024**

**1.** Dự báo tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương mình;

**2.** Đánh giá nguy cơ, khó khăn, vướng mắc có thể tác động, ảnh hưởng đến thực hiện Đề án 06;

**3.** Giải pháp thực hiện trong năm 2024 và giai đoạn 2024-2025, UBND cấp huyện và cấp xã báo cáo lộ trình và giải pháp để đạt được mục tiêu của Đề án, gồm:

**3.1.** Nhóm tiện ích phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được định danh, xác thực điện tử hoặc xác thực, chia sẻ dữ liệu dân cư.

+ 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất các các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương.

+ 100% người dân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp được định danh, xác thực điện tử trên hệ thống định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an đã kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia; không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ về dân cư đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân được lưu trữ điện tử với số định danh cá nhân là một thông tin bắt buộc phục vụ cho kết nối, chia sẻ, tái sử dụng.

+ 50% mẫu đơn, tờ khai có thông tin công dân được chuẩn hóa thống nhất theo yêu cầu từ dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính về cư trú, hộ tịch, xuất nhập cảnh, cấp căn cước công dân.

+ Tối thiểu 50% thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến dân cư được cắt giảm, đơn giản hóa so với thời điểm ban hành quyết định này.

+ 80% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

+ 100% hồ sơ về dân cư được tạo, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

**3.2.** Nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế, xã hội: Hoàn thiện hệ sinh thái các ứng dụng số, tiện ích cung cấp cho các bộ, ngành, địa phương, tổ chức doanh nghiệp bảo đảm dữ liệu dân cư được xác thực thông qua việc định danh và xác thực thông tin dân cư mức độ định danh có đảm bảo yếu tố sinh trắc học khi thực hiện các giao dịch phục vụ phát triển kinh tế, xã hội

**3.3.** Nhóm tiện ích phục vụ phát triển công dân số: Đảm bảo 100% các giao dịch của Công dân số được định danh, ký số, xác thực, các hợp đồng điện tử được định danh, ký số

**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. Với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

2. Với bộ, ngành, thành viên Tổ Công tác của Trung ương, của tỉnh Lâm Đồng.